

THÔNG TƯ

**Quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa,
vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa: là Bộ Giao thông vận tải đối với quản lý đường thủy nội địa quốc gia; là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với quản lý đường thủy nội địa địa phương (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa: là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa, bao gồm: cơ quan chuyên

ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Giao thông vận tải.

3. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực: là cơ quan cấp dưới trực tiếp của cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

4. Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa: là các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện bảo trì công trình đường thủy nội địa.

5. Nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa: là nạo vét đảm bảo cấp kỹ thuật hiện tại.

6. Nạo vét nâng cấp luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa: là nạo vét theo cấp kỹ thuật cao hơn.

Điều 3. Lập danh mục các công trình nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm

1. Nhà nước ưu tiên và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia hoạt động nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và của nhà đầu tư.

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa căn cứ quy hoạch phát triển được duyệt, cấp kỹ thuật, hiện trạng luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa tổ chức lập danh mục các dự án (công trình) thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa, trình cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Danh mục các dự án (công trình) phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên dự án;
- b) Mục tiêu của dự án;
- c) Địa điểm thực hiện dự án;
- d) Tóm tắt các thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế chủ yếu của công trình, khối lượng nạo vét dự kiến, thời gian thực hiện.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt danh mục các dự án (công trình) thực hiện đầu tư nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước đối với các tuyến đường thủy nội địa và vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Đối với danh mục dự án trên luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng bến thủy nội địa quốc gia, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đi qua trước khi quyết định.

5. Danh mục dự án (công trình) đã được phê duyệt có thể được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp quy hoạch hoặc hiện trạng luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa thay đổi hoặc đã được phê duyệt kế hoạch thực hiện bằng nguồn vốn khác.

Điều 4. Công bố danh mục dự án

1. Danh mục dự án (công trình) được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa và cơ quan quản lý đường thủy nội địa

sau 05 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được duyệt (bao gồm cả các danh mục dự án được sửa đổi, bổ sung).

2. Danh mục dự án (công trình) được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này.

Điều 5. Đăng ký thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư có thể đăng ký thực hiện dự án trong danh mục dự án đã công bố hoặc dự án chưa có trong danh mục đã công bố.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này, nêu khái quát thông tin của dự án: tên dự án, tên công trình, vị trí, địa điểm, phạm vi, sự cần thiết, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác;

b) Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các giấy tờ liên quan chứng minh năng lực của nhà đầu tư như hợp đồng, liên doanh, liên kết);

c) Hồ sơ năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm của nhà đầu tư. Báo cáo tài chính 03 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế hoặc cơ quan tài chính) hoặc văn bản cam kết tài chính thực hiện dự án;

d) Hồ sơ năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có).

Điều 6. Chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất trong 02 ngày làm việc phải có văn bản trả lời nhà đầu tư;

b) Trường hợp có một nhà đầu tư đăng ký thực hiện 01 dự án, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, có văn bản chấp thuận nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;

c) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký thực hiện 01 dự án, chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầu tiên đầy đủ theo quy định, tổ chức thẩm định các yếu tố pháp lý, năng lực về tài chính, năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện dự án và có văn bản chấp thuận nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án;

d) Có văn bản trả lời, nêu rõ lý do đối với nhà đầu tư không được chấp thuận thực hiện dự án.

Điều 7. Hồ sơ đề xuất dự án

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thực hiện dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến

hành khảo sát, lập và gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án tới cơ quan quản lý đường thủy nội địa. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm:

1. Văn bản đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án.
2. Phương án đề xuất dự án với những nội dung chính sau đây:
 - a) Mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;
 - b) Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công;
 - c) Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thực hiện thi công; biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng và tiến độ thực hiện;
 - d) Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
 - e) Xác định sơ bộ tổng vốn đầu tư của dự án và thời hạn thực hiện dự án;
- 3) Bản vẽ thiết kế: bản vẽ tổng mặt bằng (bình đồ khảo sát địa hình, tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét; bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét; tọa độ mép luồng, vùng nước trước bến tại mặt cắt và các bản vẽ khác có liên quan;
- 4) Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết về bố trí nhân lực, thiết bị, đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án và giải quyết khắc phục hậu quả nếu thực hiện dự án không đúng theo quy định;
- 5) Bảo lãnh tài chính hoặc bảo đảm thực hiện dự án phù hợp;
- 6) Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (nếu có).

Điều 8. Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

2. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý đường thủy nội địa, thẩm định các yếu tố pháp lý, năng lực về tài chính, năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện dự án và phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư này. Trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Điều 9. Đàm phán, ký kết và điều chỉnh hợp đồng dự án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt hồ sơ dự án của cơ quan quản lý về đường thủy nội địa, hồ sơ về đánh giá tác động môi trường được duyệt theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư đã được chọn. Nội dung đàm phán và ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Thông tin của các bên trong hợp đồng;

- b) Thông tin về dự án: Tên dự án, tên công trình, vị trí, địa điểm;
- c) Phạm vi và chuẩn tắc thiết kế;
- d) Dự kiến khối lượng nạo vét;
- e) Biện pháp, trình tự, kế hoạch thực hiện và tiến độ thi công;
- g) Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- h) Thực hiện đăng ký sản phẩm tận thu và chịu sự giám sát sản phẩm tận thu trong quá trình thực hiện dự án theo hướng dẫn của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- i) Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;
- k) Biện pháp xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án.

2. Thời hạn hợp đồng thực hiện dự án do các bên thỏa thuận phù hợp với danh mục đã công bố, khối lượng, phương tiện, thiết bị nạo vét, việc đảm bảo an toàn giao thông, tận thu sản phẩm và các điều kiện liên quan khác. Thời hạn hợp đồng thực hiện dự án có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo các điều kiện quy định tại hợp đồng thực hiện dự án.

3. Việc điều chỉnh các điều kiện đã thỏa thuận tại hợp đồng thực hiện dự án chỉ được xem xét trong các trường hợp sau:

- a) Dự án bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;
- b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;
- c) Khi quy hoạch thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án;
- d) Các trường hợp khác thỏa thuận trong hợp đồng thực hiện dự án đã ký kết. Nhà đầu tư phải thông báo nội dung cần thay đổi cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa để thực hiện đàm phán, điều chỉnh lại hợp đồng thực hiện dự án sau khi có văn bản chấp thuận điều chỉnh của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa.

Điều 10. Các chi phí liên quan thực hiện dự án

- 1. Chi phí lập, công bố danh mục dự án, thực hiện kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước và được bố trí từ ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- 2. Chi phí khảo sát, lập hồ sơ dự án; thực hiện nạo vét; tư vấn giám sát, khắc phục sự cố; nghiệm thu bàn giao khi hoàn thành và các chi phí liên quan khác đến thực hiện dự án do nhà đầu tư chi trả theo quyết định phê duyệt dự án.

Điều 11. Bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án

- 1. Biện pháp bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án được áp dụng dưới hình thức bảo lãnh của ngân hàng hoặc biện pháp bảo đảm nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Số tiền bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án không được thấp hơn 5% tổng vốn đầu tư của dự án.

2. Bảo đảm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dự án có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng thực hiện dự án được ký kết chính thức đến ngày công trình được hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Nhà đầu tư không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng dự án có hiệu lực.

Điều 12. Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát thực hiện dự án

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Tổ chức phê duyệt phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa, bàn giao mốc giới, mặt bằng công trình phục vụ thi công theo dự án được phê duyệt;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực, đơn vị bảo trì đường thủy nội địa kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với nhà đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát đủ điều kiện để giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định pháp luật hiện hành;

d) Tổ chức giám sát, đánh giá việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, tiến độ thực hiện dự án, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các vấn đề khác theo thỏa thuận trong hợp đồng dự án;

đ) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác thực hiện dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực và đơn vị bảo trì đường thủy nội địa;

e) Định kỳ hàng quý báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa kết quả thực hiện và đề xuất giải quyết những vướng mắc, phát sinh liên quan đến điều chỉnh, chấm dứt thực hiện dự án.

2. Trước khi triển khai thi công, nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Hoàn thành đầy đủ các thủ tục về tài nguyên, môi trường và các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Lập phương án điều tiết không chế đảm bảo giao thông đường thủy trình cơ quan quản lý đường thủy nội địa phê duyệt theo quy định;

c) Ký hợp đồng với tư vấn giám sát thi công;

d) Thông báo thời gian thi công, số lượng phương tiện thiết bị, nhân lực đến các đơn vị có liên quan, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực;

đ) Kiểm tra, xác nhận hiện trạng bờ sông với chính quyền địa phương trước khi thi công nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

3. Quá trình thực hiện, nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức tiếp nhận bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công nạo vét, duy tu phục vụ thi công theo quyết định được cấp có thẩm quyền chấp thuận; đo đạc khảo sát lại khu vực được bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công nạo vét duy tu luồng trước thi công;

b) Tổ chức thi công, nghiệm thu, bàn giao các hạng mục và toàn bộ công trình theo hồ sơ dự án được phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thực hiện theo đúng các nội dung của dự án được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết;

d) Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, thực hiện đảm bảo an toàn đường thủy nội địa trong quá trình thi công; chế độ thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Định kỳ (hàng tháng và hàng quý) báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án với cơ quan quản lý đường thủy nội địa và đơn vị quản lý đường thủy nội địa khu vực.

4. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện dự án của nhà đầu tư phù hợp với nội dung dự án đã được phê duyệt và các quy định pháp luật liên quan;

b) Yêu cầu nhà đầu tư thực hiện việc lắp đặt và điều chỉnh báo hiệu đường thủy nội địa khu vực thi công theo đúng phương án đã được chấp thuận;

c) Phản ánh kịp thời tình hình thực hiện, các thay đổi trong quá trình thi công so với hồ sơ dự án được phê duyệt tới cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

d) Định kỳ (hàng tháng và hàng quý) báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát về cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

5. Tổ chức tư vấn giám sát có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng giám sát quá trình thi công dự án của nhà đầu tư theo đúng các nội dung được phê duyệt và quy chế Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tại địa phương trong việc giám sát, xác nhận khối lượng sản phẩm nạo vét tận thu của nhà đầu tư.

c) Báo cáo định kỳ (hàng tháng và hàng quý) kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát về cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án trên luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng bến thủy nội địa quốc gia) có trách nhiệm:

Chỉ đạo cơ quan quản lý về tài nguyên, môi trường của địa phương thực hiện đăng ký khối lượng tận thu sản phẩm nạo vét theo quy định tại khoản 3 Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông; phối hợp với cơ quan quản lý đường thủy nội địa giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong thực hiện dự án (vị trí nạo vét, sản phẩm nạo vét).

Điều 13. Chấm dứt hợp đồng dự án

1. Hợp đồng dự án chấm dứt trước thời hạn do lỗi vi phạm hợp đồng của một trong các bên mà không có biện pháp khắc phục có hiệu quả, do sự kiện bất khả kháng hoặc các trường hợp khác quy định tại hợp đồng dự án.

2. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng dự án các điều kiện chấm dứt hợp đồng và biện pháp xử lý khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Hoàn thành thực hiện dự án và bàn giao dự án

1. Sau khi dự án hoàn thành, nhà đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công, báo cáo cơ quan quản lý đường thủy nội địa và tổ chức khảo sát, nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng; bàn giao lại công trình cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa theo quy định.

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Nghiệm thu kết quả thực hiện nạo vét và thực hiện các thủ tục kết thúc hợp đồng dự án theo quy định. Thành phần nghiệm thu bao gồm: đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, cơ quan quản lý đường thủy nội địa, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực, đơn vị bảo trì đường thủy nội địa và cơ quan, đơn vị liên quan do cơ quan quản lý đường thủy nội địa lựa chọn; tiến hành thủ tục bàn giao công trình cho đơn vị quản lý vận hành theo quy định sau khi hoàn thành dự án;

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án; đề xuất xử lý đối với các đơn vị không hoàn thành đúng đề xuất thực hiện dự án đã được phê duyệt hoặc hợp đồng dự án đã ký kết.

3. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực tiếp nhận và quản lý, vận hành, khai thác công trình sau khi hoàn thành dự án.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong hoạt động nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm bù chi phí nạo vét, không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành, còn phải chịu xử lý theo một trong các hình thức sau:

a) Dừng xem xét, phê duyệt dự án đối với hành vi cố tình không bổ sung tài liệu, hồ sơ đề xuất khi được yêu cầu.

b) Chấm dứt thực hiện dự án trong các trường hợp sau:

Sau 60 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý về đường thủy nội địa có Quyết định phê duyệt dự án, mà nhà đầu tư cố tình không tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng để triển khai dự án, trừ trường hợp có lý do chính đáng được cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa chấp thuận.

Hoặc sau 03 tháng, kể từ ngày cơ quan quản lý về đường thủy nội địa có Quyết định phê duyệt dự án, mà nhà đầu tư không thực hiện dự án hoặc chậm thực hiện dự án mà không có lý do chính đáng.

c) Cấm tham gia các dự án nạo vét duy tu và các dự án khác do cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa làm chủ đầu tư từ 06 tháng đến 36 tháng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 của Thông tư này gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa có trách nhiệm tổ chức đánh giá mức độ vi phạm của nhà đầu tư và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, trình cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa xem xét, quyết định.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Nhà đầu tư được chấp thuận thực hiện dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản chấp thuận hoặc phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Dự án đã có quyết định lựa chọn nhà đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, không phải thực hiện lựa chọn lại nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh với Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết. / *Ka*

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Website Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT. Tiến



Đinh La Thắng

Phụ lục 1

Văn bản đăng ký thực hiện dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37 /2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / ... (2).....

... (3)...., ngày tháng năm

V/v: (4)...

Kính gửi:

..... (5).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ... (7)...

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6)

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú

- (1) Tên cơ quan, tổ chức trình
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước.
- (3) Địa danh
- (4) Trích yếu nội dung văn bản ngắn gọn, rõ ràng.
- (5) Nội dung văn bản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5
- (6) Thẩm quyền ký là cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước; trường hợp cấp phó được giao ký thay người đứng đầu cơ quan thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.
- (7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần) ./.

Phụ lục 2

Quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(2)....

...(3)....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc(4).....

..... (5)

- Căn cứ(6).....

- Căn cứ(7).....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.(8).....

Điều

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

-

- Lưu: VT, (10)...

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (9)

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.

(3) Địa danh.

(4) Trích yếu nội dung quyết định.

(5) Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan tổ chức (Ví dụ: Cục trưởng, Giám đốc Sở GTVT...).

(6) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định.

(7) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(8) Nội dung quyết định.

(9) Chức vụ của người ký như Cục trưởng, Giám đốc Sở GTVT; trường hợp cấp phó được giao ký thay người đứng đầu cơ quan thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(10) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần)./.